

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HS-ST

Ngày 31/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2/ Ông Phạm Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đức Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** bà Vũ Thị Bích Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Phan Thanh T, sinh năm 1993 tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp Hưng L, xã Tân H, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Quý H và bà Văn Thị N; chưa có vợ, con; T án, T sự: không; bị bắt tạm giam ngày 24/03/2023 đến nay, có mặt.

- **Bị hại:** Nguyễn Thanh N, sinh ngày 15/7/2008; nơi cư trú: số 143/17 Nguyễn HD, phường Khánh H, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

- **Đại diện hợp pháp của bị hại:** ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; nơi cư trú: số 143/17 Nguyễn HD, phường Khánh H, thành phố T, thành phố Tân An, Long An, có mặt;

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** bà Đặng Kim H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trung pháp lý nhà nước tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 433 Quốc lộ 1, Phường

D, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

2. Ông Phan Quý H, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp Hưng L, xã TH, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Thanh T và em Nguyễn Thanh N quen biết nhau qua mạng xã hội Zalo, Facebook và thường xuyên nhắn tin nói chuyện tình cảm với nhau. Khoảng 12 giờ ngày 02/01/2023 T điều khiển xe mô tô biển số 64K1-175.34 đi từ nhà ở Vĩnh Long đến nhà của N để rủ N đi chơi. Sau đó T chở N đi uống nước tại quán cà phê sân vườn trên địa bàn huyện Thủ Thừa, Long An (không rõ tên quán và địa chỉ) khi vào quán T ôm hôn rồi dùng tay đưa vào quần lót sờ vào bộ phận sinh dục của N đồng thời rủ N tìm nhà nghỉ để quan hệ tình dục thì N đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, T chở N đến nhà nghỉ 433, địa chỉ: số 433 Quốc lộ 1, Phường D, thành phố T, Long An và thuê phòng số 05. Khi vào phòng T ôm hôn và cởi áo khoác của N ra sau đó cả hai nằm ôm nhau trên giường, T dùng tay vén áo N qua khỏi vùng ngực rồi dùng tay bóp vú rồi cởi quần dài, quần lót của N và sờ vào bộ phận sinh dục của N lúc này T nói với N để T mang bao cao su vào quan hệ nhưng N nói không sao. Sau đó T quan hệ tình dục với N trong tư thế T quỳ gối, còn N nằm ngửa khoảng 02 phút thì T xuất tinh vào bên trong âm hộ của N, quan hệ tình dục xong, T và N vào nhà vệ sinh tắm rửa rồi trả phòng ra về. Trên đường về T mua cho N 01 đôi dép và 01 ly trà sữa rồi chở N đến đầu hẻm 143 Nguyễn Huệ, phường Khánh H, thành phố T, Long An để N đi bộ vào nhà, còn T lên Thành phố Hồ Chí Minh để đi làm. Đến ngày 13/01/2023 T đến nhà N để rủ N đi chơi thì bị ông Nguyễn Văn T (cha ruột N) phát hiện tố cáo đến cơ quan Công an.

Căn cứ vào giấy khai sinh của Nguyễn Thanh N, sinh ngày 15/7/2008, lập ngày 11/11/2008 tại UBND phường Khánh Hậu, thị xã Tân An, tỉnh Long An thì tại thời điểm xảy ra vụ việc là ngày 02/01/2023, bị hại được 14 tuổi 5 tháng 18 ngày.

Tại Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số 04/TDTE ngày 13/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Long An kết luận Nguyễn Thanh N, sinh ngày 15/7/2008 như sau: Âm hộ không xây xát; Màng trinh hình răng cưa, rách cũ tại vị trí 1 giờ, màng trinh dẫn rộng đứt lốt 1 ngón tay. Hiện tại không có thai.

Vật chứng của vụ án:

01 (một) quần dài vải màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu xanh và 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám; 01 (một) quần jean dài, màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu trắng có chấm màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay, màu đen loại có vải che đầu; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80 màu xám của bị cáo T và 01 (một) xe mô tô loại Exciter màu xám đen biển số 64K1-175.34.

Cáo trạng số 49/CT-VKSTPTA ngày 20/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo khoản 1 điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh T thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Đặng Kim H phát biểu ý kiến thống nhất với tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe, ảnh hưởng đến tâm, sinh lý, danh dự, nhân phẩm của bị hại nên đề nghị mức bồi thường theo mức tối đa của quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 145; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Văn T cha ruột em Nguyễn Thanh N yêu cầu bị cáo Phan Thanh T bồi thường thiệt hại về tinh thần và danh dự nhân phẩm cho Nguyễn Thanh N số T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), bị cáo chưa bồi thường.

Buộc bị cáo Phan Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết mình sai và hối hận với hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tân An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Bị hại em Nguyễn Thanh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng xét thấy trong giai đoạn điều tra đã thể hiện đầy đủ lời khai và ý kiến bị hại và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành

phố Tân An, phù hợp với lời khai của người bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở xác định, bị cáo Phan Thanh T và em Nguyễn Thanh N, sinh ngày 15/7/2008 có quan hệ tình cảm với nhau. Mặc dù biết N là người chưa đủ 16 tuổi lợi dụng sự thiếu hiểu biết của em N, vào ngày 02/01/2023 bị cáo T rủ N đến phòng số 05 của nhà nghỉ 433 tại số 433 Quốc lộ 1, Phường D, thành phố Tân An, tỉnh Long An để thực hiện hành vi giao cấu với em N 01 lần.

Do đó hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Xét, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của người dưới 16 tuổi. Bị cáo có đầy đủ năng lực và nhận thức được hành vi giao cấu với người dưới 16 tuổi là bất hợp pháp và vi phạm pháp luật nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo vẫn thực hiện, điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80 màu xám của bị cáo T không liên quan đến vụ án và 01 (một) xe mô tô loại Exciter màu xám đen biển số 64K1-175.34. Qua điều tra xác định xe mô tô 64K1-175.34 thuộc sở hữu của ông Phan Quý H (cha ruột bị cáo T) cho bị cáo mượn để đi làm, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại điện thoại cho bị cáo T và trả xe mô tô cho ông Phan Quý H là phù hợp.

[7.2] 01 (một) quần dài vải màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu xanh và 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám; 01 (một) quần jean dài, màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu trắng có chấm màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay, màu đen loại có vải che đầu là của bị cáo và bị hại mặc khi đi quan hệ tình dục, hiện không có giá trị sử dụng, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

[8] Trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Văn T cha ruột em Nguyễn Thanh N yêu cầu bị cáo Phan Thanh T bồi thường thiệt hại về tinh thần và danh dự nhân phẩm cho Nguyễn Thanh N số T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Bị cáo xác định không có khả năng bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định pháp luật. Căn cứ vào điều 357, 590, 592 Bộ luật Dân sự và mức độ tổn thất tinh thần do hành vi của bị cáo gây ra, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 30 tháng lương cơ bản là 54.000.000đ (năm mươi bốn triệu đồng).

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 145; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2023.

3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Thanh T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) quần dài vải màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu xanh và 01 (một) áo khoác dài tay, màu xám; 01 (một) quần jean dài, màu đen; 01 (một) áo thun cổ tròn, màu trắng có chấm màu đen; 01 (một) áo khoác dài tay, màu đen loại có vải che đầu.

Hiện vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Tân An với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 357, 590, 592 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Phan Thanh T phải bồi thường cho bị hại số T 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng). Thời gian thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả T thì bên đó phải chịu lãi đối với số T chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả T được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Tp Tân An;
- CA Tp Tân An;
- Chi cục THA Tp Tân An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu hồ sơ; VP./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Thị Thu Thảo